

TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN QUANG VINH

CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NĂM HỌC : 2020 -2021

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2020 -2021

Đơn vị tính : Học sinh

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	788	146	190	200	145	107
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày (tỷ lệ so với tổng số)	788 100%	146 100%	190 100%	200 100%	145 100%	107 100%
III	Số học sinh chia theo hạnh kiểm						
1	Thực hiện đầy đủ (tỷ lệ so với tổng số)	788 100%	146 100%	190 100%	200 100%	145 100%	107 100%
2	Thực hiện chưa đầy đủ (tỷ lệ so với tổng số)						
IV	Số học sinh chia theo học lực						
1	Tiếng Việt	788	146	190	200	145	107
a	Hoàn thành Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	611 77.54%	138 94.52%	155 81.58%	132 66.00%	90 62.07%	96 89.72%
b	Hoàn Thành (tỷ lệ so với tổng số)	160 20.30%	2 1.37%	31 16.32%	61 30.50%	55 37.93%	11 10.28%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	17 2.16%	6 4.11%	4 2.11%	7 3.50%		
2	Toán	788	146	190	200	145	107
a	Hoàn thành Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	601 76.27%	134 91.78%	168 88.42%	105 52.50%	92 63.45%	102 95.33%
b	Hoàn Thành (tỷ lệ so với tổng số)	182 23.10%	7 4.79%	22 11.58%	95 47.50%	53 36.55%	5 4.67%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	5 0.63%	5 3.42%				
3	Khoa học	252				145	107
a	Hoàn thành Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	224 88.89%				119 82.07%	105 98.13%
b	Hoàn Thành (tỷ lệ so với tổng số)	28 11.11%				26 17.93%	2 1.87%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
4	Lịch sử và Địa lý	252				145	107
a	Hoàn thành Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	226 89.68%				125 86.21%	101 94.39%
b	Hoàn Thành (tỷ lệ so với tổng số)	26 10.32%				20 13.79%	6 5.61%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						

5	Tiếng nước ngoài	642		190	200	145	107
a	Hoàn thành Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	431 67.13%		121 63.68%	124 62.00%	104 71.72%	82 76.64%
b	Hoàn Thành (tỷ lệ so với tổng số)	211 32.87%		69 36.32%	76 38.00%	41 28.28%	25 23.36%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
6	Hoạt động trải nghiệm	146	146				
a	Hoàn thành Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	139 95.21%	139 95.21%				
b	Hoàn Thành (tỷ lệ so với tổng số)	7 4.79%	7 4.79%				
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
7	Tin học	642		190	200	145	107
a	Hoàn thành Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	534 83.18%		148 77.89%	162 81.00%	117 80.69%	107 100.00%
b	Hoàn Thành (tỷ lệ so với tổng số)	108 16.82%		42 22.11%	38 19.00%	28 19.31%	
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
8	Đạo đức	788	146	190	200	145	107
a	Hoàn thành Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	751 95.30%	146 100.00%	169 88.95%	198 99.00%	133 91.72%	105 98.13%
b	Hoàn Thành (tỷ lệ so với tổng số)	37 4.70%		21 11.05%	2 1.00%	12 8.28%	2 1.87%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
9	Tự nhiên xã hội	536	146	190	200		
a	Hoàn thành Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	489 91.23%	139 95.21%	164 86.32%	186 93.00%		
b	Hoàn Thành (tỷ lệ so với tổng số)	47 8.77%	7 4.79%	26 13.68%	14 7.00%		
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
10	Âm nhạc	788	146	190	200	145	107
a	Hoàn thành Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	737 93.53%	136 93.15%	183 96.32%	185 92.50%	135 93.10%	98 91.59%
b	Hoàn Thành (tỷ lệ so với tổng số)	51 6.47%	10 6.85%	7 3.68%	15 7.50%	10 6.90%	9 8.41%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
11	Mỹ thuật	788	146	190	200	145	107
a	Hoàn thành Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	626 79.44%	113 77.40%	133 70.00%	154 77.00%	135 93.10%	91 85.05%
b	Hoàn Thành (tỷ lệ so với tổng số)	162 20.56%	33 22.60%	57 30.00%	46 23.00%	10 6.90%	16 14.95%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						

12	Thủ công/ Kỹ thuật	642		190	200	145	107
a	Hoàn thành Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	586 91.28%		167 87.89%	192 96.00%	123 84.83%	104 97.20%
b	Hoàn Thành (tỷ lệ so với tổng số)	56 8.72%		23 12.11%	8 4.00%	22 15.17%	3 2.80%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
13	Thể dục	788	146	190	200	145	107
a	Hoàn thành Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	766 97.21%	139 95.21%	181 95.26%	199 99.50%	140 96.55%	107 100%
b	Hoàn Thành (tỷ lệ so với tổng số)	22 2.79%	7 4.79%	9 4.74%	1 0.50%	5 3.45%	
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	788	146	190	200	145	107
1	Lên lớp thẳng (tỷ lệ so với tổng số)	771 97.84%	140 95.89%	186 97.89%	193 96.50%	145 100%	107 100%
a	Trong đó: Xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	376 47.72%	108 73.97%	82 43.16%	57 28.50%	54 37.24%	75 70.09%
b	Vượt trội (tỷ lệ so với tổng số)		4	83	78	59	27
2	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	771 97.84%	140 95.89%	186 97.89%	193 96.50%	145 100%	107 100%
3	Kiểm tra lại (tỷ lệ so với tổng số)	17 2.16%	6 4.11%	4 2.11%	7 3.50%		
4	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)						
5	Bỏ học (tỷ lệ so với tổng số)						
VI	Số học sinh đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học (tỷ lệ so với tổng số)	107 100%					107 100%

Bình Thạnh, ngày 31 tháng 5 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Đinh Thị Thủy